

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà: Lâm Thị Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Mai Văn Rạng

Bà: Điều Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Nh - Sinh năm: 1976 – có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng B - Sinh năm: 1972 – vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu xin ly hôn đề ngày 19/3/2024 và các bản tự ghi lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Nh trình bày: Bà Nh và ông Nguyễn Hồng B lấy nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Thiện Hưng, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/3/1997.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi. Hiện Bà Nh không còn tình cảm với ông B nữa.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu Nh trình bày: Vợ chồng bà có với nhau 02 người con chung là: Nguyễn Thị Phương Nh1, sinh năm: 1998; Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 2001; Hiện các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành có việc làm, thu nhập ổn định không cần phải nuôi dưỡng.

Tài sản chung; nợ chung: Bà Nh trình bày: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hồng B.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: ông Nguyễn Hồng B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông B không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do ông B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng B. Tài sản chung; Nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung đều đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Nh về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng B. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh trình bày không có nên không có ý kiến. Về con chung đều đã trưởng thành và có công việc thu nhập nên Bà Nh không yêu cầu là phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Nh thuộc trường hợp “Ly hôn,” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng B có hộ khẩu và đang cư trú tại: Thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hồng B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

-*Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu Nh và ông Nguyễn Hồng B kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện Hưng, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 13/3/1997. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Bà Nh, ông B chung sống hạnh phúc được đến năm 2022 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không nhường nhịn nhau. Hiện tại Bà Nh không còn tình cảm với ông B nữa.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 19/6/2024, của Tòa án nhân dân huyện B Đ tại địa phương nơi Bà Nh, ông B sinh sống được: Ban điều hành Thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước không nắm rõ thông tin tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của Bà Nh, ông B do khi mâu thuẫn các đương sự không báo cho địa phương thôn, ấp biết. Tuy nhiên xét trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ ông B để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng của ông B với Bà Nh nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Xét tại bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của Bà Nh về mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân giữa bà với ông B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Nh đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng B là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, Bà Nh, ông B có với nhau 02 (ba) con chung là: Nguyễn Thị Phương Nh1, sinh năm: 1998; Nguyễn Hoàng Anh, sinh năm: 2001, các con chung của ông bà đã trưởng thành có việc làm và thu nhập ổn định không cần phải nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu Nh phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Nh đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng B.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu Nh được ly hôn ông Nguyễn Hồng B.

2. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thu Nh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Nh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007088 ngày 24/4/2004.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- UBND xã Thiện Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chúc